

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - LÀO CAI

Căn cứ vào Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 36/2026/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận về việc nuôi con khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Anh **An Hồng H** - Sinh năm 1981.

Và Chị **Đặng Thị H1** - Sinh năm 1983

Cùng địa chỉ: **Thôn C, xã B, tỉnh Lào Cai.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh **An Hồng H** và chị **Đặng Thị H1** đều trình bày: Anh, chị kết hôn ngày 17/12/2009, tại **UBND thị trấn C, huyện T, tỉnh Yên Bái** (Nay là **UBND xã T, tỉnh Lào Cai**). Anh, chị chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và cách đối nhân xử thế, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, không có hạnh phúc. Mâu thuẫn đã được gia đình tham gia hoà giải, khuyên bảo nhiều lần nhưng không khắc phục được. Anh chị đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Anh chị đều xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy anh chị đều yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn theo quy định của pháp luật.

Xét thấy sự thỏa thuận về việc thuận tình ly hôn của anh chị là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần chấp nhận là phù hợp với Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình. Quan hệ hôn nhân giữa anh **An Hồng H** và chị **Đặng Thị H1** được chấm dứt kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật theo quy định tại Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Anh An Hồng H và chị Đặng Thị H1 đều xác nhận quá trình chung sống có 02 con chung là cháu An Hồng Hà P, sinh ngày 29/3/2011 và cháu An Hồng Gia H2, sinh ngày 04/11/2013, hiện tại các cháu khỏe mạnh phát triển bình thường và đang ở cùng chị H1. Anh An Hồng H và chị Đặng Thị H1 thỏa thuận, khi ly hôn để chị H1 được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc và giáo dục cháu An Hồng Hà P, sinh ngày 29/3/2011 và cháu An Hồng Gia H2, sinh ngày 04/11/2013; anh An Hồng H có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho cháu An Hồng Hà P và cháu An Hồng Gia H2 mỗi cháu 1.500.000đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng/tháng cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Xét thấy sự thỏa thuận về việc nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung của anh, chị là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với nguyện vọng của con nên cần chấp nhận là phù hợp với Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về lệ phí: Anh An Hồng H và chị Đặng Thị H1 thỏa thuận mỗi người chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền lệ phí dân sự sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh An Hồng H và chị Đặng Thị H1.

Quan hệ hôn nhân giữa anh An Hồng H và chị Đặng Thị H1 được chấm dứt kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Chị Đặng Thị H1 được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc và giáo dục cháu An Hồng Hà P, sinh ngày 29/3/2011 và cháu An Hồng Gia H2, sinh ngày 04/11/2013; anh An Hồng H có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho cháu An Hồng Hà P và cháu An Hồng Gia H2 mỗi cháu 1.500.000đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng/tháng cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn anh An Hồng H có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, thì hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về lệ phí: Anh An Hồng H và chị Đặng Thị H1 mỗi người chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền lệ phí giải quyết việc dân sự nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà anh, chị đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000822 ngày 10/3/2026 của Thi

hành án dân sự tỉnh Lào Cai. Anh **An Hồng H** và chị **Đặng Thị H1** đã nộp đủ tiền lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND Khu Vực 6 - Lào Cai (2);
- Đương sự (2);
- UBND xã Trấn Yên - Lào Cai;
- THADS tỉnh Lào Cai;
- Lưu HS, TQĐ, VP.

THẨM PHÁN

Lìn Thị Lài